

Số: 19/2001/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 27 tháng 2 năm 2001

**quyết định của UBND tỉnh Cần Thơ
Về việc ban hành Kế hoạch giải quyết việc làm
của tỉnh Cần Thơ năm 2001-2005**

ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2001/NQ.HĐND ngày 12/1/2001 của HĐND tỉnh về tình hình kinh tế xã hội năm 2000 và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2001;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cần Thơ,

quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch giải quyết việc làm của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005 .

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với ngành trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện triển khai thực hiện hàng năm "Kế hoạch giải quyết việc làm của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005".

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

tm.ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ
KT. chủ tịch
phó chủ tịch
Trần Thanh Mẫn

kế hoạch
Giải quyết việc làm của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005
(Ban hành kèm theo Quyết định số : 19 /2001/QĐ-UB
ngày 27 tháng 02 năm 2001 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005 của Tỉnh ủy và Chương trình giải quyết việc làm của tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005 đã được kỳ họp lần thứ 4, HĐND tỉnh (khóaVI) thông qua. UBND tỉnh xây dựng kế hoạch giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2001-2005 với nội dung cụ thể như sau:

I. mục tiêu, phương hướng giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005:

1. Dự báo lao động và nhu cầu giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005:

a) Dự báo lao động giai đoạn 2001-2005:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Dân số trung bình	1.861.731	1.888.044	1.915.279	1.941.345	1.967.211
TĐ: từ 15 tuổi trở lên	1.321.899	1.356.755	1.393.937	1.431.804	1.467.604

2. Lao động trong độ tuổi	1.140.134	1.178.192	1.211.674	1.246.841	1.282.074
TĐ: LĐ KV thành thị	303.289	309.204	314.445	320.390	326.596

b) Dự báo nhu cầu giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Tổng số LĐ cần VL mới	73.000	66.000	59.000	50.000	40.000
TĐ: + LĐ bị mất việc	2.000	1.800	1.500	1.000	600
+ BD, CA, TNXP xuất ngũ	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
+ HS, SV tốt nghiệp	14.000	16.000	18.000	20.000	22.000
2. Tổng số LĐ thiếu VL	165.000	150.000	135.000	120.000	105.000

2. Mục tiêu giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Tổng số LĐ được GQVL	30.000	32.000	34.000	36.000	38.000
2. Tỷ lệ thất nghiệp KV thành thị (%)	6,60	6,00	5,50	5,00	4,50
3. Tỷ lệ sử dụng thời gian LĐ khu vực nông thôn (%)	76,00	76,50	77,00	77,50	78,00

3. Giải pháp giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005:

❶ Khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh:

a) Mục tiêu:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
Số chỗ làm việc mới trong các ngành KTQD trên địa bàn tỉnh	28.600	30.330	32.300	34.560	37.150

b) Biện pháp:

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đa dạng hoá ngành nghề, mở rộng đầu tư phát triển vùng nông thôn, thực hiện công nghiệp hoá nông nghiệp-nông thôn, thu hút lực lượng lao động tại chỗ.

+ Khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ. Chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất hàng tiểu thủ công và các hoạt động dịch vụ ở nông thôn. Đặc biệt quan tâm thực hiện chương trình khuyến công và đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật cho công nghiệp địa phương, đồng thời có chính sách khuyến khích hỗ trợ các cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh về vốn, thuế, mặt bằng, các cơ sở sử dụng nhiều lao động. Khẩn trương sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước.

+ Thực hiện chính sách xã hội hoá du lịch, thu hút nhiều lao động vào khu vực dịch vụ này.

+ Tăng cường hợp tác toàn diện với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong khu vực, hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu và trường đào tạo trên địa bàn tỉnh và Nam bộ. Cải cách thủ tục, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư trên địa bàn trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Xây dựng chương trình xuất khẩu và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu trực tiếp.

☞ Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với việc làm:

a) Mục tiêu:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Số lao động được đào tạo nghề	25.360	32.258	39.207	46.130	53.040
2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	12,78	14,54	16,32	18,08	19,95
TĐ:tỷ lệ LĐ được đào tạo nghề (%)	6,62	8,20	10,14	13,02	15,95

b) Biện pháp:

- Hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Cần Thơ đến năm 2005 và năm 2010. Xây dựng chính sách và cơ chế khuyến khích đẩy mạnh xã hội hoá đào tạo và dạy nghề để phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho các hoạt động đào tạo nghề, mở rộng và đa dạng hoá các loại hình dạy nghề ngắn hạn (nhằm tạo cơ hội cho người lao động tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm) và đào tạo nghề dài hạn (nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp, khu chế xuất và xuất khẩu lao động...); quan tâm đào tạo nghề trong nông nghiệp và đào tạo nghề để phát triển các làng nghề, khôi phục nghề truyền thống.

- Nghiên cứu chính sách cụ thể để khuyến khích học sinh vào học tại các trường dạy nghề để đào tạo đội ngũ lao động trẻ có chuyên môn kỹ thuật giỏi phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

- Tăng cường quy mô các trường, mở rộng năng lực, vừa đào tạo trung học chuyên nghiệp, vừa dạy nghề. Triển khai thực hiện dự án "Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề" tại trường Công nhân kỹ thuật Cần Thơ.

- Xây dựng các dự án đào tạo nghề gắn với việc làm cho người nghèo, người tàn tật và trẻ mồ côi để kêu gọi sự đầu tư của các tổ chức nhân đạo thế giới; dự án đào tạo nghề nông (kỹ thuật viên nông nghiệp) cho nông dân.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề gắn với tuyển dụng lao động tại doanh nghiệp đối với những nghề mà các cơ sở đào tạo trong nước không có khả năng đáp ứng được.

- Đổi mới giáo trình dạy nghề, ngoài việc dạy nghề mình sẵn có cần cập nhật các loại nghề đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Chương trình đào tạo phải liên thông giữa các hệ đào tạo với nhau, giúp người lao động có điều kiện học lên cao.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ giảng dạy của đội ngũ giáo viên dạy nghề trong toàn tỉnh. Tổ chức các kỳ hội giảng giáo viên dạy giỏi, hội thi thiết bị dạy nghề hàng năm để động viên phong trào dạy tốt, tiến tới tổ chức tốt Hội giảng giáo viên dạy giỏi ngành dạy nghề toàn quốc lần thứ II tại tỉnh vào năm 2003.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 9/1/2001 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Bộ Luật lao động và Luật Giáo dục về dạy nghề.

☞ Thực hiện cho vay vốn giải quyết việc làm:

a) Mục tiêu:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Số dự án được duyệt cho vay	300	320	340	360	380
Số vốn duyệt cho vay (triệu đồng)	20.000	21.000	22.000	23.000	24.000
Số lao động thu hút theo dự án	8.500	9.500	10.500	11.500	12.500

2. Tỷ lệ vốn giải ngân/vốn xét duyệt trong năm (%)	65	68	71	74	77
3. Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	<12	<10	<10	< 8	< 8

b) Biện pháp:

+ Cải tiến quy trình xét duyệt, đẩy nhanh tiến độ cho vay và giải ngân nguồn vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, tập trung ưu tiên đối với những dự án thu hút nhiều lao động ở vùng nông thôn và xóa đói giảm nghèo. Xây dựng các mức cho vay chuẩn đối với các ngành nghề phổ biến, làm cơ sở duyệt vay và tư vấn người vay, đồng thời tổ chức tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Phối hợp với các chương trình khuyến nông, khuyến công để tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới gắn với cho vay vốn từ Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm. Thường xuyên phổ biến các điển hình, mô hình sản xuất kinh doanh giỏi, thu hút nhiều lao động vào làm việc.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ dịch vụ việc làm huyện, thị xã, thành phố và các cộng tác viên về giải quyết việc làm ở xã, phường, thị trấn.

+ Tổng rà soát lại các trường hợp nợ quá hạn để xử lý theo đúng quy định hiện hành. Kịp thời trình UBND tỉnh xét duyệt giảm, miễn lãi, khoan nợ cũng như trình Trung ương xóa nợ cho các hộ trong các dự án vay bị thiệt hại do thiên tai, rủi ro. Riêng năm 2000, tiến hành kiểm tra lại các trường hợp đã khoan nợ, miễn, giảm lãi trong năm, đồng thời lập hồ sơ đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xóa nợ cho các trường hợp đủ điều kiện. Phối hợp với các ngành có liên quan xử lý các trường hợp cán bộ, đảng viên có khả năng trả nợ nhưng cố tình dây dưa, không trả.

4 Tăng cường công tác dịch vụ, tư vấn, giới thiệu việc làm:

a) Mục tiêu:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Số LĐ được dạy nghề gắn với việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm	10.000	12.000	14.000	16.000	18.000
TĐ: số người được giải quyết việc làm	7.000	8.400	9.800	11.200	12.600
2. Số LĐ được tư vấn, giới thiệu VL	16.000	18.000	20.000	22.000	24.000
TĐ: số người được giải quyết việc làm	14.400	16.200	18.000	19.800	21.600

b) Biện pháp:

+ Tăng cường công tác quản lý Nhà nước các trung tâm, cơ sở dịch vụ việc làm hoạt động trên địa bàn tỉnh. Quan tâm đầu tư đúng mức về kinh phí, trang thiết bị và mặt bằng hoạt động của các Trung tâm Dịch vụ việc làm, trước mắt nâng cấp Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh để thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu cho tỉnh trong lĩnh vực giải quyết việc làm.

+ Xây dựng hệ thống dịch vụ, tư vấn, giới thiệu việc làm tại thị xã Vị Thanh và các huyện. Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ dịch vụ việc làm thuộc cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội trực tiếp quản lý. Sử dụng có hiệu quả số cán bộ kiêm nhiệm công tác giải quyết việc làm ở xã, phường, thị trấn.

+ Cho phép Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh cung cấp các dịch vụ có thu tiền công theo hợp đồng với mức thu hợp lý do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt về cung ứng nhân lực, giúp tuyển lao động, tư vấn lập dự án giải quyết việc làm, tư vấn pháp luật về lao động, việc làm và các dịch vụ khác về lao động, việc làm cho doanh nghiệp khi có yêu cầu.

+ Tăng cường mối liên kết giữa các Trung tâm Dịch vụ việc làm với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh để giải quyết việc làm cho học viên tốt nghiệp.

9 Thông tin thị trường lao động thông qua điều tra lao động-việc làm và các cơ quan thông tấn, báo chí:

a) Mục tiêu:

Nắm tình hình cung-cầu lao động trên thị trường lao động của tỉnh, tình hình việc làm của lao động trong độ tuổi nói chung và một số đối tượng lao động đặc thù; việc thực hiện chính sách, chế độ về lao động làm việc tại các đơn vị sử dụng lao động trong từng 6 tháng.

Tổ chức thông tin đến các đối tượng trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào thị trường lao động, làm cho người lao động tiếp cận với thông tin về giải quyết việc làm.

b) Biện pháp:

+ Tổ chức điều tra lao động-việc làm hàng năm, để nắm tình hình giải quyết việc làm của tỉnh và thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện; đồng thời đề ra các giải pháp thiết thực giải quyết việc làm cho lao động ở các địa bàn dân cư là điểm nóng về thất nghiệp và thiếu việc làm.

+ Thường xuyên quan sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và tuyển dụng lao động của doanh nghiệp trên địa bàn.

+ Định kỳ tổ chức thanh, kiểm tra người sử dụng lao động thực hiện các quy định pháp luật về lao động-việc làm.

+ Tổ chức các điểm thông tin về giải quyết việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh và các chi nhánh. Phối hợp với cơ quan thông tấn, báo chí mở các chuyên mục thông tin, giới thiệu về người tìm việc, doanh nghiệp cần tuyển lao động, tư vấn việc làm hay phổ biến các điển hình tốt về tạo mở việc làm và các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút nhiều lao động vào làm việc.

+ Tổ chức "Ngày hội việc làm" hàng năm để người lao động cần tìm việc và doanh nghiệp cần tuyển lao động cũng như các đơn vị phục vụ trên thị trường lao động như các Trung tâm Dịch vụ việc làm, các trường, trung tâm, cơ sở đào tạo nghề gặp gỡ và tiếp cận lẫn nhau hướng về mục tiêu nâng cao kết quả đào tạo, giải quyết việc làm cho người lao động và phát triển doanh nghiệp.

☞ Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động ra ngoài tỉnh:

a) Mục tiêu:

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
1. Số lao động gửi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	150	300	450	600	750
2. Số lao động đưa đi làm việc dài hạn ở ngoài tỉnh	200	400	600	800	1.000

b) Biện pháp:

+ Triển khai thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 22/9/1998 của Bộ Chính trị về xuất khẩu lao động và chuyên gia; Nghị định 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ quy định về việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

+ Khuyến khích các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và người lao động cùng đầu tư đào tạo, chuẩn bị nguồn phục vụ cho xuất khẩu lao động và cung ứng lao động ngoài tỉnh theo định hướng sử dụng của thị trường lao động ở trong nước và ngoài nước. Khẩn trương thành lập mới hoặc bổ sung thêm chức năng xuất khẩu lao động cho một Công ty trực thuộc tỉnh.

+ Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động để nâng cao chất lượng đào tạo, bổ túc tay nghề, giáo dục định hướng, ngoại ngữ, pháp luật, phong tục tập quán cho người lao động. Đa dạng hoá ngành nghề đưa đi lao động, tăng dần tỷ lệ lao động kỹ thuật, giảm dần tỷ lệ lao động nữ không nghề.

+ Xây dựng và thực hiện các chính sách trợ giúp vốn, tín dụng ưu đãi, thế chấp chống trón, cải tiến thủ tục ... để người lao động có điều kiện đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đặc biệt ưu tiên cho những người chưa có công ăn việc làm, nhất là ở nông thôn, người nghèo, các gia đình chính sách, thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

+ Tổ chức tốt công tác tìm kiếm và khai thác thị trường xuất khẩu lao động. Chủ động và có sự phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài, đại diện các công ty của Việt Nam tại nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Chú ý quan tâm tìm chọn thị trường lao động có điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Xây dựng quy trình tuyển dụng lao động, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cần dựa vào các cấp chính quyền địa phương và các đoàn thể trong công tác tổ chức tuyển chọn người lao động, bảo đảm dân chủ và công khai trong tuyển chọn lao động. Cải tiến các thủ tục hành chính, đơn giản công khai các thủ tục nhằm giảm phiền hà cho người lao động và doanh nghiệp, đồng thời chống các tiêu cực trong hoạt động xuất khẩu lao động; giảm đến mức thấp nhất và công khai các khoản người lao động phải đóng góp.

+ Tăng cường và đẩy mạnh công tác kiểm tra và thanh tra về xuất khẩu lao động. Các cơ quan bảo vệ pháp luật phối hợp chặt chẽ với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và các cấp chính quyền kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất khẩu lao động và chuyên gia, loại trừ các tiêu cực trong lĩnh vực này.

+ Phối hợp với UBND thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông để thống nhất thực hiện các biện pháp đưa lao động của tỉnh Cần Thơ đến làm việc tại doanh nghiệp đóng trên địa bàn, nhằm quản lý được người lao động, đồng thời giữ được trật tự xã hội và bảo đảm được quyền lợi cho người lao động.

III. Kinh phí thực hiện:

1/- Dự toán kinh phí:

Tổng kinh phí để thực hiện Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Cần Thơ giai đoạn 2001-2005, dự kiến theo giải pháp và nguồn đảm bảo như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Giải pháp	Tổng Số	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
1. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm	128.850	19.510	23.500	25.040	28.440	32.360
2. Thực hiện cho vay vốn giải quyết việc làm	12.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3. Tăng cường công tác dịch vụ, tư vấn, giới thiệu việc làm	1.500	500	500	200	150	150
4. Thông tin về thị trường LĐ động thông qua điều tra lao động - việc làm và các cơ quan thông tấn, báo chí .	1.500	300	300	300	300	300

5. Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động ra ngoài tỉnh	700	140	140	140	140	140
Tổng cộng	145.050	22.950	26.940	28.180	31.530	35.450

2/- Nguồn huy động:

a) Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính - Vật giá lập các dự án và tờ trình đề nghị Trung ương và các tổ chức quốc tế, tổ chức từ thiện trong và ngoài nước đầu tư:

+ Xây dựng Trạm quan sát nhu cầu lao động tại doanh nghiệp ở thành phố Cần Thơ và thị xã Vị Thanh.

+ Kinh phí thực hiện dự án "Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề" và dự án đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ chương trình tự động hóa của tỉnh tại trường Công nhân kỹ thuật Cần Thơ. Đồng thời đầu tư kinh phí cùng địa phương thành lập các Trường đào tạo kỹ thuật viên nông nghiệp, Trung tâm Dạy nghề thị xã Vị Thanh và một số Trung tâm Dạy nghề ở các huyện.

+ Kinh phí mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề và dịch vụ việc làm cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và kinh phí tập huấn cán bộ dịch vụ việc làm hàng năm.

+ Bổ sung vốn cho vay hàng năm và kinh phí hoạt động cho vay vốn giải quyết việc làm trích từ lãi suất cho vay từ Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm.

+ Kinh phí điều tra lao động-việc làm hàng năm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện .

+ Chi cho đầu tư thiết bị và học phí để tổ chức dạy nghề cho người tàn tật và trẻ mồ côi, cho người nghèo và đối tượng chính sách người có công.

b) Người sử dụng lao động đóng góp:

+ Kinh phí giải quyết việc làm cho người tàn tật trong trường hợp không tuyển dụng đủ tỷ lệ lao động là người tàn tật theo quy định pháp luật hiện hành.

+ Kinh phí tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp. Phí tuyển lao động thông qua các Trung tâm Dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định 72/CP.

+ Kinh phí tham gia "Ngày hội việc làm" tại các kỳ Hội chợ trong năm.

c) Người lao động đóng góp:

+ Học phí học nghề và kỹ năng lao động.

+ Trả tiền công phục vụ giới thiệu việc làm, cung ứng lao động và gửi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (không tính tiền chi phí đi và đặt cọc nộp cho các công ty xuất khẩu lao động).

d) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá và Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất bố trí ngân sách địa phương hàng năm từ nguồn dự phòng để chi cho chương trình giải quyết việc làm.

Thống nhất cho BCD Quỹ quốc gia giải quyết việc làm tạm ứng từ ngân sách để chi kịp thời cho các dự án giải quyết việc làm đã được phê duyệt.

Trích lãi suất cho vay từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm để đảm bảo thực hiện các biện pháp về đào tạo nghề, về khảo sát, đánh giá, cung cấp thông tin có liên quan đến công tác cho vay vốn giải quyết việc làm.

IV. tổ chức thực hiện:

1. Về tổ chức:

+ Tiến hành kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình Quốc gia về giải quyết việc làm của tỉnh; kiện toàn tổ chuyên viên liên ngành giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và đội ngũ thư ký giúp việc cho Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình giải quyết việc làm huyện, thị xã, thành phố.

+ Cửng cố đội ngũ cán bộ dịch vụ việc làm ở huyện, thị xã, thành phố và cộng tác viên giải quyết việc làm ở xã, phường, thị trấn, cán bộ thuộc các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội, tổ chức tư vấn có liên quan đến các nội dung và giải pháp thực hiện của chương trình và cán bộ quản lý các khu công nghiệp-khu chế xuất, các doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động.

+ Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2005, đồng thời phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn thực hiện chương trình hàng năm.

2. Về kiểm tra, đánh giá:

+ Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động của chương trình trên địa bàn tỉnh theo sự phân công phụ trách, định kỳ báo cáo cho UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo điều hành; ủy quyền cho các đoàn kiểm tra độc lập theo các chuyên đề như cho vay vốn, kiểm toán kinh phí thực hiện chương trình,...

+ Quy định chế độ báo cáo tình hình về tiến độ và kết quả thực hiện chương trình việc làm của tỉnh trong từng tháng, quý, 6 tháng và cả năm đối với các cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh.

KT. chủ tịch UBND tỉnh cần thơ
phó chủ tịch
(đã ký)
Trần Thanh Mẫn